

Số: **67/2022/QĐST - HNGĐ**

K, ngày 20 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**====\*\*\*=====**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 55/2022/TLST - HNGĐ ngày 17/3/2022.  
Giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; ĐKKK tại : khối 2, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện đang tạm trú tại : xóm 8B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1975; ĐKKK và trú tại : khối 2, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 62, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/5/2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/5/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình Q.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con: Giao chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Đình H1, sinh ngày 31/7/2004 cho đến khi con thành niên. Giao anh Nguyễn Đình Q nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Đình H2, sinh ngày 19/5/2006 cho đến khi con thành niên. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom chăm sóc con chung.

- Về tài sản :

+ Chia và giao chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích 100m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị, tại thửa đất số 1763, tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính Thị trấn B lập năm 1993, chỉnh lý năm 1998 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 252503 cấp ngày 08/4/2009 mang tên Nguyễn Đình Q, Nguyễn Thị H. Địa chỉ thửa đất tại khối 10, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Với chiều cạnh kích thước cụ thể như sau:

Phía Đông giáp đường Lương Văn Tụy dài 5m

Phía Tây giáp ruộng 2 lúa của UBND thị trấn B dài 5m

Phía Nam giáp đất của UBND thị trấn B dài 20m

Phía Bắc giáp đất ông C dài 20m.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Giá trị quyền sử dụng đất chia và giao cho chị H là 800.000.000<sup>d</sup>.

+ Chia và giao anh Nguyễn Đình Q được quyền sử dụng diện tích 174,1m<sup>2</sup> đất trong đó đất ở tại đô thị 74,3m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác 99,8m<sup>2</sup>, tại thửa số 264, tờ bản đồ số 5 bản đồ địa chính Thị trấn B lập năm 1993, chỉnh lý năm 1998, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO079257 cấp ngày 27/3/2014 mang tên Nguyễn Đình Q, Nguyễn Thị H. Địa chỉ thửa đất ở khối 2, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Với chiều cạnh kích thước cụ thể như sau:

Phía Đông giáp đất nhà ông V dài 21m

Phía Tây giáp nhà đất anh V1 dài 21m

Phía Nam giáp Mương dài 8,30m

Phía Bắc giáp đường Đậu Quỳ Khiêm dài 8,30m

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

+ Giao cho anh Q sở hữu các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất bao gồm:

Nhà ở mái bằng có giá trị : 102.286.984<sup>d</sup>.

Nhà lán tôn lạnh phía trước nhà có giá trị : 27.371.344<sup>d</sup>.

Khu nhà bếp và công trình phụ có giá trị : 23.342.572<sup>d</sup>.

Mái tôn thường phía Đông và phía Nam nhà có giá trị : 10.201.909<sup>d</sup>.

Hàng rào có giá trị : 5.813.510<sup>d</sup>.

Sân bê tông có giá trị : 9.682.400<sup>d</sup>.

Bể nước có giá trị : 7.953.652<sup>d</sup>.

Cổng có giá trị : 1.880.032<sup>d</sup>.

Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất chia và giao cho anh Q là: 622.521.000<sup>d</sup>.

Hai bên không phải thanh toán tiền chênh lệch phân chia tài sản chung cho nhau.

**3. Về án phí :** Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình Q được miễn toàn bộ tiền án phí.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo ranh giới, mốc giới diện tích mà các bên thỏa thuận và được giao quyền sử dụng.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA huyện K;
- UBND TT B;
- Các đương sự;
- LƯU HỒ SƠ VỤ ÁN.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Trần Thị Khanh**